

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN THỦY NGUYÊN  
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2021 DS-ST  
Ngày 31-12-2021  
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỦY NGUYÊN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Mai

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Trần Đình Diệu

Bà Nguyễn Thị Lương

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Dương Thị Thanh Thủy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:*** Ông Phạm Đình Hiến - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 87/2021/TLST-DS ngày 15 tháng 10 năm 2021 về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 55/2021/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

***- Nguyên đơn:*** Ngân hàng B; địa chỉ Trụ sở chính: quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

***Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:*** Ông Nguyễn Đức Ph; nơi cư trú: Xã Hoa Động, Huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng là đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền số 6212321 ngày 12-8-2021). Có mặt.

***- Bị đơn:***

1. Ông Nguyễn Minh Th; nơi cư trú: huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng. Vắng mặt.

***Người đại diện hợp pháp của ông Th:*** Anh Nguyễn Minh Tr; nơi cư trú: huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng là đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 29-10-2021). Có mặt.

2. Anh Nguyễn Minh Tr; nơi cư trú: huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng. Có mặt

- *Người có quyền L, nghĩa vụ liên quan:* Chị Nguyễn Thị H; nơi cư trú: huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng. Vắng mặt

*Người đại diện hợp pháp của chị H:* Anh Nguyễn Minh Tr; nơi cư trú: huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng là đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 29-10-2021). Có mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngân hàng B (sau đây viết tắt là VIB) đã ký với anh Nguyễn Minh Tr, ông Nguyễn Minh Th, bà Nguyễn Thị L các hợp đồng tín dụng sau:

Hợp đồng tín dụng số 940/HĐTD1-VIB30/10 ngày 11-11-2010 với nội dung: VIB cho anh Nguyễn Minh Tr và người đồng trách nhiệm là ông Nguyễn Minh Th, bà Nguyễn Thị L vay số tiền 300.000.000 đồng. Mục đích vay: Mua đất, thời hạn vay 180 tháng kể từ ngày 24-11-2010; lãi suất vay: 13,5%/năm, điều chỉnh 3 tháng/1 theo chính sách lãi suất của VIB. Trả nợ gốc là 1.665.000 đồng/tháng, và nợ lãi kèm theo vào ngày 01 hàng tháng, kỳ trả nợ đầu tiên là ngày 01-01-2011, kỳ trả nợ cuối cùng là ngày 24-11-2025.

Hợp đồng tín dụng số 940A/HĐTD1-VIB30/10 ngày 11-11-2010 với nội dung: VIB cho anh Nguyễn Minh Tr và người đồng trách nhiệm là ông Nguyễn Minh Th, bà Nguyễn Thị L vay số tiền 150.000.000 đồng. Mục đích vay: Mua đất, thời hạn vay 180 tháng kể từ ngày 24-11-2010; lãi suất vay: 18,5%/năm, điều chỉnh 3 tháng/1 theo chính sách lãi suất của VIB. Trả nợ gốc là 835.000 đồng/tháng, và nợ lãi kèm theo vào ngày 01 hàng tháng, kỳ trả nợ đầu tiên là ngày 01-01-2011, kỳ trả nợ cuối cùng là ngày 24-11-2025.

Hợp đồng tín dụng số 325/HĐTD1-VIB32/12 ngày 22-11-2012 với nội dung: VIB cho anh Nguyễn Minh Tr vay số tiền 600.000.000 đồng, thời hạn vay 06 tháng kể từ ngày 22-11-2012; lãi suất vay: 15,59%/năm, điều chỉnh 3 tháng/1lần. Trả nợ gốc một lần vào ngày 22-5-2013. Trả nợ lãi vào ngày 15 hàng tháng.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, anh Tr, ông Th, bà L đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Đến ngày 31-12-2021, anh Tr, ông Th bà L còn nợ Ngân hàng cụ thể như sau: Hợp đồng tín dụng số 940/HĐTD1-VIB30/10 ngày 11-11-2010: Nợ lãi trong hạn là 2.244.946 đồng, nợ lãi quá hạn 44.037.084 đồng. Tổng cộng = 46.282.030 đồng. Hợp đồng tín dụng số 940A/HĐTD1-VIB30/10 ngày 11-11-2010: Nợ lãi trong hạn là 490.768 đồng, nợ lãi quá hạn: 16.427.990 đồng. Tổng cộng là 16.918.757 đồng. Hợp đồng tín dụng 325/HĐTD1-VIB32/12 ngày 22-11-2012: Nợ

gốc: 423.328.351 đồng, nợ lãi trong hạn: 74.432.760 đồng, nợ lãi quá hạn: 979.867.182 đồng. Tổng cộng 1.477.628.293 đồng.

Ngân hàng yêu ông Nguyễn Minh Th, anh Nguyễn Minh Tr, bà Nguyễn Thị L phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền theo Hợp đồng tín dụng số 940/HĐTD1-VIB30/10 ngày 11-11-2010, Hợp đồng tín dụng số 940A/HĐTD1-VIB30/10 ngày 11-11-2010 là 63.200.787 đồng. Anh Nguyễn Minh Tr phải trả cho Ngân hàng theo Hợp đồng tín dụng 325/HĐTD1-VIB32/12 ngày 22-11-2012 số tiền 1.477.628.293 đồng (trong đó nợ gốc: 423.328.351 đồng, nợ lãi trong hạn: 74.432.760 đồng, nợ lãi quá hạn: 979.867.182 đồng). Yêu cầu Tòa án tiếp tục tính lãi quá hạn kể từ ngày 01-01-2022 cho đến khi anh Tr, ông Th, bà L thanh toán xong toàn bộ khoản nợ trên. Tr hợp ông Nguyễn Minh Th, anh Nguyễn Minh Tr, bà Nguyễn Thị L không thực hiện hoặc thực hiện không đủ nghĩa vụ trả nợ cho VIB thì đề nghị Tòa án tuyên Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền kê biên phát mại tài sản thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông Nguyễn Minh Th, anh Nguyễn Minh Tr, bà Nguyễn Thị L để thu hồi nợ.

Đảm bảo cho các khoản vay trên, anh Tr, ông Th, bà L đã ký hợp đồng thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất cho Ngân hàng. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông Th, bà L, anh Tr đã tự nguyện bàn giao tài sản thế chấp cho Ngân hàng phát mại để thu hồi nợ và gia đình cũng đã bán tài sản của gia đình để trả nợ cho Ngân hàng nên hiện nay không còn tài sản bảo đảm cho khoản vay.

Tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và trình bày thêm: Bà L đã chết năm 2019 nên Ngân hàng yêu cầu người thừa kế của bà L là chị H cùng trả nợ với anh Tr ông Th khoản nợ tại Hợp đồng tín dụng số 940/HĐTD1-VIB30/10 ngày 11-11-2010, Hợp đồng tín dụng số 940A/HĐTD1-VIB30/10 ngày 11-11-2010.

Anh Nguyễn Minh Tr trình bày: Anh Tr công nhận có ký các hợp đồng tín dụng và đến nay anh và gia đình còn nợ Ngân hàng số tiền nợ gốc và nợ lãi của các hợp đồng tín dụng như yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng là đúng. Do điều kiện kinh tế khó khăn nên gia đình chưa có điều kiện trả nợ cho Ngân hàng dẫn đến nợ quá hạn. Anh Tr đề nghị Ngân hàng tạo điều kiện cho anh được trả nợ dần số tiền nợ gốc mỗi tháng từ 2 đến 3 triệu đồng. Đối với Hợp đồng tín dụng số 940/HĐTD1-VIB30/10 ngày 11-11-2010, Hợp đồng tín dụng số 940A/HĐTD1-VIB30/10 ngày 11-11-2010 anh đã trả xong nợ gốc chỉ còn nợ lãi, đề nghị Ngân hàng xem xét miễn lãi của hai hợp đồng này cho anh. Đối với khoản nợ lãi của Hợp đồng tín dụng 325/HĐTD1-VIB32/12 ngày 22-11-2012 anh Tr đề nghị Ngân hàng tạo điều kiện miễn, giảm tiền lãi quá hạn.

Ngân hàng yêu cầu chị H phải có trách nhiệm trả nợ đối với Hợp đồng tín dụng số 940/HĐTD1-VIB30/10 ngày 11-11-2010, Hợp đồng tín dụng số

940A/HĐTD1-VIB30/10 ngày 11-11-2010 anh Tr không đồng ý vì: Chị H không ký các hợp đồng tín dụng trên nên không có trách nhiệm trả nợ.

Đối với yêu cầu phát mại tài sản khác để thu hồi nợ: Trong quá trình thực hiện nghĩa vụ trả nợ, anh Tr và gia đình cũng đã tự nguyện bàn giao tài sản thế chấp cho Ngân hàng và tự nguyện bán tài sản của gia đình để trả nợ cho Ngân hàng, hiện nay tài sản thế chấp cho khoản vay là không còn. Đối với yêu cầu cơ quan có thẩm quyền kê biên phát mại tài sản thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông Nguyễn Minh Th, anh Nguyễn Minh Tr, bà Nguyễn Thị L để thu hồi nợ anh Tr không đồng ý.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và về việc giải quyết vụ án như sau: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tiến hành giải quyết vụ án cơ bản theo đúng trình tự thủ tục do pháp luật quy định. Các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung khởi kiện: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự các điều các điều 116, 117, 463 và Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 90, 91 và 95 của Luật các Tổ chức tín dụng, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Buộc ông Nguyễn Minh Th, anh Nguyễn Minh Tr phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền theo Hợp đồng tín dụng số 940/HĐTD1-VIB30/10 ngày 11-11-2010, Hợp đồng tín dụng số 940A/HĐTD1-VIB30/10 ngày 11-11-2010 tổng số tiền nợ lãi là 63.200.787 đồng. Buộc anh Nguyễn Minh Tr phải trả cho Ngân hàng theo Hợp đồng tín dụng 325/HĐTD1-VIB32/12 ngày 22-11-2012 số tiền 1.477.628.293 đồng (trong đó nợ gốc: 423.328.351 đồng, nợ lãi trong hạn: 74.432.760 đồng, nợ lãi quá hạn: 979.867.182 đồng). Anh Tr còn phải tiếp tục trả lãi quá hạn phát sinh cho đến khi trả hết nợ gốc. Không chấp nhận yêu cầu cơ quan có thẩm quyền kê biên phát mại tài sản khác thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông Nguyễn Minh Th, anh Nguyễn Minh Tr, bà Nguyễn Thị L để thu hồi nợ. Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ pháp luật có tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Hợp đồng tín dụng ký giữa Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam với Nguyễn Minh Th, anh Nguyễn Minh Tr có mục đích mua đất nên được xác định là tranh chấp dân sự. Bị đơn hiện đang cư trú tại huyện Thủy Nguyên nên thuộc thẩm quyền giải quyết

của Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng theo quy định tại Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về yêu cầu đòi nợ gốc, lãi của nguyên đơn: Các hợp đồng tín dụng được ký giữa Ngân hàng và bị đơn đã ký kết trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, các chủ thể tham gia ký kết có đầy đủ năng lực trách nhiệm dân sự, hình thức và nội dung hợp đồng phù hợp với các quy định của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên. Đối với hợp đồng tín dụng số 940/HĐTD1-VIB30/10 ngày 11-11-2010, Hợp đồng tín dụng số 940A/HĐTD1-VIB30/10, bà L là người đồng trách nhiệm trả nợ với ông Th, anh Tr. Bà L đã chết năm 2019 nên khoản nợ trên ông Th và anh Tr phải có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng. Chị H không phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay cho bà L. Bị đơn thừa nhận số tiền nợ gốc, nợ lãi như nguyên đơn yêu cầu khởi kiện là đúng, nên đủ cơ sở chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc ông Nguyễn Minh Th, anh Nguyễn Minh Tr phải trả cho Ngân hàng theo Hợp đồng tín dụng số 940/HĐTD1-VIB30/10 ngày 11-11-2010, Hợp đồng tín dụng số 940A/HĐTD1-VIB30/10 ngày 11-11-2010 tổng số tiền nợ lãi là 63.200.788 đồng. Buộc anh Nguyễn Minh Tr phải trả cho Ngân hàng theo Hợp đồng tín dụng 325/HĐTD1-VIB32/12 ngày 22-11-2012 số tiền 1.477.628.293 đồng (trong đó nợ gốc: 423.328.351 đồng, nợ lãi trong hạn: 74.432.760 đồng, nợ lãi quá hạn: 979.867.182 đồng).

[2] Về yêu cầu cơ quan có thẩm quyền kê biên phát mại tài sản thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông Nguyễn Minh Th, anh Nguyễn Minh Tr, bà Nguyễn Thị L: Trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, năm 2015 anh Tr đã tự nguyện bàn giao tài sản đã thế chấp cho Ngân hàng bán phát mại để thu hồi nợ. Năm 2020 được sự đồng ý của Ngân hàng, ông Th cũng đã bán tài sản thế chấp để trả nợ cho Ngân hàng. Hiện nay không còn tài sản bảo đảm cho các hợp đồng tín dụng nêu trên nên không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền kê biên phát mại tài sản thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông Nguyễn Minh Th, anh Nguyễn Minh Tr, bà Nguyễn Thị L để thu hồi nợ.

[5] Về án phí: Ông Th là người cao tuổi nên được miễn án phí sơ thẩm. Anh Tr phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 116, 117, 463 và Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 90, 91 và 95 của Luật các Tổ chức tín dụng Luật phí và lệ phí, Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng B:

- Buộc ông Nguyễn Minh Th, anh Nguyễn Minh Tr phải trả cho Ngân hàng B tổng số tiền theo Hợp đồng tín dụng số 940/HĐTD1-VIB30/10 ngày 11-11-2010, Hợp đồng tín dụng số 940A/HĐTD1-VIB30/10 ngày 11-11-2010 tổng số tiền nợ lãi là 63.200.787 (*sáu mươi ba triệu, hai trăm nghìn, bảy trăm tám bảy*) đồng.

- Buộc anh Nguyễn Minh Tr phải trả cho Ngân hàng B theo Hợp đồng tín dụng 325/HĐTD1-VIB32/12 ngày 22-11-2012 số tiền 1.477.628.293 (*một tỉ, bốn trăm bảy mươi bảy triệu, sáu trăm hai mươi tám nghìn, hai trăm chín ba*) đồng (trong đó nợ gốc: 423.328.351 đồng, nợ lãi trong hạn: 74.432.760 đồng, nợ lãi quá hạn: 979.867.182 đồng).

Kể từ ngày 01-01-2022, anh Tr còn phải tiếp tục trả khoản tiền lãi đối với khoản nợ gốc chưa thanh toán cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này, theo mức lãi suất mà hai bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng. Trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng B về việc yêu cầu cơ quan có thẩm quyền kê biên phát mại tài sản khác thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông Nguyễn Minh Th, anh Nguyễn Minh Tr, bà Nguyễn Thị L để thu hồi nợ.

3. Về án phí sơ thẩm: Miễn án phí cho ông Nguyễn Minh Th. Anh Nguyễn Minh Tr phải chịu 57.276.800 (*năm bảy triệu, hai trăm bảy sáu nghìn, tám trăm*) đồng án dân sự sơ thẩm. Trả lại Ngân hàng B số tiền tạm ứng án phí 28.540.000 (*hai tám triệu, năm trăm bốn mươi nghìn*) đồng tại biên lai thu số 0007563 ngày 15 tháng 10 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

4. Về quyền kháng cáo: Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Tr hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện Thuỷ Nguyên;
- Chi cục THADS h. Thuỷ Nguyên;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Mai**

